

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 14/2017/DS-ST

Ngày 27/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Giảng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Dân

Bà Hà Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lạc tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thuận - Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 và 27/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-DS ngày 04/01/2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-DS ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Hữu B, sinh năm 1964 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Phố LTT, TT. NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1968 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn LS, xã NS, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2016, bản tự khai ngày 04/01/2017, phiên hòa giải ngày 22/3/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Hữu B trình bày: Ngày 05/6/2012 anh B và anh Phạm Văn T thỏa thuận, anh B bán cho anh T 01 (*Một*) bộ máy cày bừa, gồm: 01 (*Một*) máy nổ D10 làm lạnh bằng quạt gió, đèn; 01 (*Một*) bộ số, lốp 61; 01 (*Một*) moóc kéo chở hàng; 01 (*Một*) bộ cày, bừa lồng tám. Giá bộ máy cày bừa anh B bán cho anh T là 26.600.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*), khi nhận bộ máy cày bừa, anh T đã trả cho anh B 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*), số tiền còn lại 4.600.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm ngàn đồng*), anh T hẹn đến ngày 08/6/2012 sẽ trả đủ cho anh B. Việc mua bán giữa anh B và anh T được lập thành văn bản, anh T đã ký và ghi rõ họ tên vào phía dưới mục bên B (*Bên mua hàng*). Do anh T đã xem ngày để nhận bộ máy cày bừa mua của anh B, nên khi anh T nhận bộ

máy cày bừa, moóc chở hàng chưa sơn, sau khi nhận về, anh T tự mua sơn và tự mượn người sơn moóc chở hàng, chi phí hết 350.000 đồng (*Ba trăm năm mươi ngàn đồng*), anh B đồng ý trừ vào số tiền anh T còn nợ. Đến hạn trả số tiền còn nợ, anh T không trả cho anh B như đã cam kết, anh B đến đòi nhiều lần nhưng không được. Do giữa cá nhân không thể giải quyết được với nhau, nên anh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho anh B số tiền mua bộ máy cày bừa ngày 05/6/2012 còn nợ là 4.600.000 đồng, số tiền này được trừ số tiền anh T chi phí sơn moóc kéo chở hàng là 350.000 đồng, số tiền anh T còn phải trả cho anh B là 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Anh B không chấp nhận lời nại của anh T, anh B khẳng định, bộ máy cày bừa anh B bán cho anh T đã có ghế ngồi gắn liền với moóc chở hàng, bộ máy này không có ghế ngồi riêng, đoạn nối dài cang moóc chở hàng và cọc chữ U như trình bày của anh T. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, anh B đã giao nộp cho Tòa án, bản gốc Hợp đồng mua máy, lập ngày 05/6/2012.

Trong Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 17/02/2017, phiên hòa giải các ngày 22/3/2017, 07/9/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phạm Văn T trình bày: Ngày 05/6/2012, anh T mua của anh Lê Hữu B 01 (*Một*) bộ máy cày bừa theo yêu cầu của anh T, giá bộ máy cày bừa là 26.600.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng*). Khi anh T đến nhận bộ máy cày bừa mua của anh B, moóc kéo chở hàng chưa sơn, thiếu ghế ngồi, đoạn nối dài cang moóc chở hàng, cọc chữ U, nhưng vì anh T đã xem ngày tốt để nhận máy, anh B thỏa thuận với anh T, hôm sau ra sơn moóc chở hàng, lắp ghế ngồi lấy các bộ phận còn thiếu, nên anh T vẫn nhận bộ máy cày bừa với anh B. Khi nhận bộ máy cày bừa mua của anh B, anh T đã trả cho anh B 22 triệu đồng, còn lại 4.600.000 đồng, hai bên thống nhất, khi anh B lắp ghế ngồi, sơn moóc chở hàng và giao những bộ phận còn thiếu, anh T sẽ trả số tiền còn lại cho anh B. Việc thỏa thuận mua bộ máy cày bừa của anh B, hai bên lập thành văn bản, anh T ký và ghi rõ họ tên dưới mục bên mua hàng trong hợp đồng. Sau khi nhận bộ máy cày bừa mua của anh B, nhiều lần anh T mang bộ máy cày bừa ra để anh B sơn moóc chở hàng, lắp ghế ngồi và lấy những bộ phận còn thiếu như đã thỏa thuận nhưng không gặp anh B, nên không làm được, buộc anh T phải tự mua sơn về mượn người sơn moóc chở hàng chi phí hết 350.000 đồng. Anh T không chấp nhận yêu cầu của anh B về việc anh T phải trả cho anh B số tiền mua bộ máy cày bừa ngày 05/6/2012 còn nợ lại là 4.600.000 đồng, vì bộ máy cày bừa anh T mua của anh B, moóc chở hàng chưa sơn, anh B chưa giao cho anh T bộ nối dài cang moóc chở hàng, cọc chữ U và chưa lắp ghế. Anh T yêu cầu anh B phải trừ tiền anh T tự sơn moóc chở hàng và các bộ phận còn thiếu là 2.000.000 đồng, số tiền còn lại anh T sẽ trả cho anh B. Anh T xác nhận, chữ ký và chữ “họ và Phạm Văn T” phía dưới mục “Đại diện bên B” trong “Hợp đồng mua bán máy” đề ngày 05/6/2012 mà anh B cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải nhưng không thành; các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và đề nghị xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã xuất trình đầy đủ chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là hợp pháp, vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh T phải trả cho anh B số tiền 4.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc kiện giữa nguyên đơn anh Lê Hữu B, bị đơn anh Phạm Văn T là việc kiện về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn cư trú tại huyện Ngọc Lặc, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc. Hợp đồng giữa anh B và anh T là hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng đang được thực hiện; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án được áp dụng các quy định về Hợp đồng mua bán tài sản của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đầy đủ, đúng trình tự; Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu của anh Lê Hữu B: Anh B yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Văn T phải trả cho anh B số tiền mua bộ máy cày bừa ngày 05/6/2012 còn nợ lại là 4.600.000 đồng, số tiền này được trừ chi phí anh T tự sơn moóc chở hàng là 350.000 đồng, số tiền anh T còn phải trả cho anh B là 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Căn cứ vào chứng cứ mà anh B cung cấp, được anh T thừa nhận, có cơ sở để kết luận: Ngày 05/6/2017, anh T mua của anh B 01 (*Một*) bộ máy cày bừa với giá 26.600.000 đồng. Anh T đã nhận bộ máy cày bừa mua của anh B đúng như hợp đồng và đã trả cho anh B số tiền 22 triệu đồng, anh T còn nợ lại anh B số tiền 4.600.000 đồng và hẹn đến ngày 08/6/2012 sẽ trả cho anh B. Kể từ ngày nhận bộ máy cày bừa mua của anh B đến nay, anh T không trả cho anh B số tiền mua bộ máy cày bừa còn nợ, nên việc anh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho anh B số tiền này là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh B và anh T xác nhận, khi anh T nhận bộ máy cày bừa mua của anh B, moóc chở hàng chưa sơn và anh T phải tự sơn moóc chở hàng chi phí hết 350.000 đồng, anh B chấp nhận khấu trừ chi phí này

vào số tiền anh T còn nợ. Vì vậy, số tiền anh T còn phải trả cho anh B trong việc mua bộ máy cày bừa ngày 05/6/2012 là 4.250.000 đồng. Xét lời nại của anh Phạm Văn T về việc khi anh B giao bộ máy cày bừa cho anh T, bộ máy còn thiếu ghế ngồi, bộ nối dài moóc chở hàng, cọc chữ U, thấy rằng: Lời nại của anh T bị anh B phản đối, nhưng anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh lời nại của mình là có căn cứ. Theo chứng cứ mà anh B cung cấp và được anh T thừa nhận, bộ máy cày bừa anh T mua của anh B ngày 05/6/2012 không có những bộ phận như lời nại của anh T, nên lời nại của anh T không có căn cứ. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu B, buộc anh Phạm Văn T phải trả cho anh B số tiền anh T mua bộ máy cày bừa của anh B ngày 05/6/2012 còn nợ lại là 4.250.000 đồng.

[3]. Về án phí: Anh T là bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 430, 433, 434, 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu B. Buộc anh Phạm Văn T phải trả cho anh Lê Hữu B số tiền còn nợ khi mua bộ máy cày bừa theo hợp đồng mua bán máy ngày 05/6/2012 là 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày anh B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không nộp đủ số tiền phải trả cho anh B thì phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: - Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Anh Lê Hữu B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/01504 ngày 04/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Lê Hữu B và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS H. Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Viết Giảng